

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M**

TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Yến;
2. Bà Phan Thị Đẹp;

- T ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Vân Trang – T ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2019/TLST-HNST ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐ-ST ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 156/26 đường T, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Mỹ Phú, xã Mỹ P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 156/26 đường T, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt bà T, ông P vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản khai và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: bà và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Thời gian đầu anh chị chung sống đã có mâu thuẫn nhưng đã cố gắng hàn gắn. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống ông P vẫn không thay đổi, không lo làm ăn, gây ra nhiều khoản nợ, Tồng vô cớ kiểm chuyện chửi mắng bà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên bà yêu cầu được ly hôn ông P.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 04/11/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật 745.000đồng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Nguyễn Thanh P vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, T ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do là không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: bà T và ông P phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau từ đầu năm 2016 đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P để hòa giải nhằm hàn gắn mối quan hệ giữa vợ chồng, tuy nhiên ông P vắng mặt và không có ý kiến, sống ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông P.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 04/11/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật 745.000đồng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi là phù hợp pháp luật cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P, Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, Tòa xét thấy:

Theo lời trình bày của bà T thì bà và ông P phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau từ đầu năm 2016 đến nay, nguyên nhân là do ông P không lo làm ăn, gây ra nhiều khoản nợ, Tồng vô cớ kiểm chuyện chửi mắng bà T, vợ chồng Tồng xuyên cãi vã. Hiện nay bà T không còn tình cảm với anh P. Xét thấy, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P để hòa giải nhằm hàn gắn mối quan hệ giữa vợ chồng, tuy nhiên ông P vắng mặt và không có ý kiến, điều đó cho thấy ông P không có thành ý cứu vãn mối quan hệ vợ chồng với

bà T. Bên cạnh đó, xét thấy thời gian ông bà sống ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông P.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 04/11/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật 745.000 đồng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi là phù hợp pháp luật cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: bà T phải chịu án phí theo quy định theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 04/11/2012. Buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông P chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0014110 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố M, xem như thi hành xong. Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân Thành phố M.
- Chi cục Thi hành án dân sự TP M.
- Ủy ban nhân dân Phường 8.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Huỳnh Trường